

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20/4/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về con
chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Tiến Chuẩn, ông Phạm Văn Chữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2026/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Có mặt.

Số căn cước: 024191012178.

- Bị đơn: anh Hoàng Văn B, sinh năm 1991.

Số căn cước: 024091019435.

Cùng nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn B kết hôn với nhau năm 2016, trước khi kết hôn, chị và anh B có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới, Chị T1 chung sống với anh B ngay tại thôn N, xã B. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ sau khi cưới được hơn 5 năm, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh B thường xuyên rượu chè, chửi bới đánh đập vợ con, không lo làm ăn kinh tế. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả, chị và anh B đã sống ly thân với nhau từ **tháng 01/2026** đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh B có 02 con chung là cháu Hoàng Huyền T2, sinh ngày 07/3/2018 và cháu Hoàng Huyền N, sinh ngày 11/10/2021, hiện 02 cháu đang sống cùng chị T, Ly hôn, chị có nguyện vọng để được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: Không có

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2026, bị đơn là anh Hoàng Văn B trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau năm 2016, trước khi kết hôn, anh và Chị T3 được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới, Chị T về chung sống với anh ngay tại thôn N, xã B. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2024, nguyên nhân mâu thuẫn do anh hay uống rượu về nhà hay gây gỗ, bạo lực gia đình dẫn đến Chị T phải về ngoại sống ly thân anh từ tháng 01/2026 đến nay.

Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, còn tình cảm với chị T nên anh không nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị T có 02 con chung là cháu Hoàng Huyền T2, sinh ngày 07/3/2018 và cháu Hoàng Huyền N, sinh ngày 11/10/2021, hiện 02 cháu đang sống cùng chị T, Ly hôn, anh có nguyện vọng để được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Huyền T2.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã lấy lời khai của cháu Hoàng Huyền T2, cháu có nguyện vọng được ở với chị Nguyễn Thị Thị T.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương, ông Hoàng Văn C – Phó trưởng thôn Nền B1 cung cấp thông tin, anh Hoàng Văn B làm nghề tự do, thu nhập không ổn định. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị T địa phương không rõ, chỉ thấy anh B và chị T đã ly thân nhau từ đầu năm 2026 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa.

Tại phiên hòa giải, chị T có mặt, anh B không có mặt, chị T đề nghị không tiến hành hòa giải lần thứ hai. **Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của**

đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn B được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Hoàng Huyền T2, sinh ngày 07/3/2018 và cháu Hoàng Huyền N, sinh ngày 11/10/2021. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị T có mặt, anh Hoàng Văn B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều có nơi cư trú tại Thôn N, xã B. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1, Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về Nội dung: chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) ngày 01/4/2016. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị B, Hội đồng xét xử thấy: chị T xác định trong quá trình chung sống, anh B và chị T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh B hay rượu chè, không quan tâm đến kinh tế gia đình, đánh đập vợ con. Anh B thừa nhận hay uống rượu say và bạo lực gia đình. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2026 đến nay, anh B cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T và không nhất trí ly hôn với chị T. Tuy nhiên, chị T kiên quyết muốn ly hôn với anh B, anh B không tham gia phiên hòa giải chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh B là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh B có 02 con chung Hoàng Huyền T2, sinh ngày 07/3/2018 và cháu Hoàng Huyền N, sinh ngày 11/10/2021. Hiện nay hai cháu đang sống cùng Chị T, Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh B cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hoàng Huyền T2, cháu T2 lại có nguyện vọng được ở với chị T.

Qua xem xét điều kiện giữa anh B và chị T cho thấy: Anh B hiện nay không có việc làm ổn định, hay uống rượu say và có hành vi bạo lực gia đình, chị T có việc làm ổn định và có thu nhập. Để đảm bảo cuộc sống vật chất lẫn tinh thần cho hai T2 và cháu H. Do vậy cần giao cho chị T nuôi dưỡng cả hai con chung để đảm bảo ổn định cuộc sống cho hai con là phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự đều thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1, Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Huyền T2, sinh ngày 07/3/2018 và cháu Hoàng Huyền N, sinh ngày 11/10/2021 cho đến khi con chung của anh B, Chị T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001156 ngày 04/02/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh. Xác nhận Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND xã Đèo Gia, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Hiếu